

Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tại tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh hiện nay

TRẦN MINH TRÍ
LÊ MINH THÔNG*

Tóm tắt

Công nghiệp chế biến, chế tạo (CBCT) ngày càng trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng trong phát triển kinh tế quốc gia, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, làn sóng dịch chuyển vốn đầu tư đang diễn ra nhanh chóng mạnh mẽ gần đây. Ngành công nghiệp CBCT của tỉnh Quảng Ninh đang từng bước khẳng định vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, nhất là quá trình dịch chuyển, tái cơ cấu kinh tế hiện nay từ “nâu” sang “xanh” và trở thành 1 trong 3 trụ cột chính của ngành công nghiệp, động lực cho phát triển kinh tế. Bài viết đánh giá thực trạng, cũng như định hướng phát triển của công nghiệp CBCT của tỉnh Quảng Ninh, để từ đó đưa ra một số hàm ý đối với sự phát triển của lĩnh vực này trên địa bàn Tỉnh trong thời gian tới.

Từ khóa: Công nghiệp chế biến chế tạo, Quảng Ninh

Summary

The processing and manufacturing industry is increasingly becoming one of the crucial economic sectors in national economic development, especially in the current context when the trend of international economic integration and the wave of investment capital shifting is taking place rapidly and strongly recently. The processing and manufacturing industry of Quang Ninh Province is gradually affirming its significant role in the socio-economic development of the province, especially the current process of economic restructuring and shifting from “brown” to “green” and becoming one of the three main pillars of the industry, the driving force for economic development. The article assesses the current situation and development orientation of the processing and manufacturing industry of Quang Ninh Province, thereby giving some implications for the development of this sector in the province in the coming time.

Keywords: Processing and manufacturing industry, Quang Ninh

GIỚI THIỆU

Ngành CBCT, chế tạo là một bộ phận của ngành công nghiệp; theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, ngành công nghiệp CBCT bao gồm 24 nhóm ngành kinh tế cấp 2, như: chế biến thực phẩm, đồ uống, dệt, da, hóa chất và sản phẩm hóa chất, thuốc, hóa dược và dược liệu, thiết bị điện... đang được xem là động lực dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng, thay thế cho ngành nông nghiệp đang ngày càng giảm tỷ trọng trong tổng sản phẩm trong nước, giúp nền kinh tế tránh khỏi nguy cơ tụt hậu và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Quảng Ninh là địa phương có nhiều dư địa phát triển công nghiệp. Ngành công nghiệp CBCT của

tỉnh Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả khả quan, ngày càng khẳng định là một trong những trụ cột chính trong nền kinh tế của Tỉnh. Đây được coi là động lực quan trọng để Quảng Ninh đặt niềm tin cho tăng trưởng kinh tế cao trong thời gian tới. Tuy nhiên, theo các chuyên gia đánh giá, ngành công nghiệp CBCT phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương; đa số dự án có quy mô vốn nhỏ, số dự án có công nghệ tiên tiến, hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao chiếm tỷ lệ còn ít, chưa phát triển đột phá công nghiệp sạch, công nghệ cao; hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số dự án đầu tư chưa cao, chưa có những doanh nghiệp công nghiệp lớn, thương hiệu mạnh tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị trong nước cũng như toàn cầu.

* Viện Giải pháp Kỹ thuật Nông nghiệp bền vững - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Email: tranminhtri.2716@gmail.com

** Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất | Email: leminhthong@humg.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/01/2025; Ngày phản biện: 10/02/2025; Ngày duyệt đăng: 19/02/2025

**THỰC TRẠNG CỦA NGÀNH CÔNG CBCT
TỈNH QUẢNG NINH**

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, tỷ trọng ngành công nghiệp CBCT còn nhỏ so với công nghiệp khai khoáng, song giá trị đóng góp đang tăng dần. Trong giai đoạn 2010-2020: (i) Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp CBCT đạt 12,5%/năm; tỷ trọng đóng góp vào GRDP toàn tỉnh tăng từ 6,7% năm 2010, lên 9,6% năm 2020. Đến năm 2020, quy mô ngành công nghiệp CBCT đạt 20.305 tỷ đồng, tăng gấp 5,5 lần so với năm 2010; (ii) Năm 2020 toàn Tỉnh có 841 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CBCT (chiếm 81,8% tổng số doanh nghiệp toàn ngành công nghiệp), tăng 550 doanh nghiệp so với năm 2010; (iii) Số lao động trong ngành tăng từ 37.293 người năm 2010, lên 54.213 người năm 2020, góp phần tích cực thúc đẩy chuyển dịch lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn; (iv) Tổng nguồn vốn đầu tư toàn ngành giai đoạn 2010-2019 đạt 68.997 tỷ đồng, chiếm 28,7% tổng vốn đầu tư ngành công nghiệp, chiếm 13,3% tổng vốn đầu tư xã hội toàn Tỉnh.

Trong giai đoạn 2021-2022: (i) Giá trị ngành công nghiệp CBCT đã chiếm tỷ trọng lớn thứ ba trong nền kinh tế của Tỉnh (khoảng 12 %); tốc độ tăng trưởng bình quân 2 năm đạt 19%, cao hơn so với mức bình quân đã đề ra theo Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 16/11/2020 về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp CBCT giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 là 17%/năm; (ii) Đã thu hút 14 dự án mới và điều chỉnh tăng vốn cho 5 lượt dự án công nghiệp CBCT; (iii) Tổng vốn đầu tư đã thu hút trong ngành công nghiệp CBCT đạt trên 32.976 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đạt 1.112 triệu USD, đạt 65,8% mục tiêu đã đề ra là 50.000 tỷ đồng đến năm 2025, bình quân 10.000 đồng/năm; (iv) Các dự án trong lĩnh vực công nghiệp CBCT đã tạo việc làm cho gần 10.000 lao động mới, nâng tổng số lao động làm việc trong lĩnh vực này lên trên 63.000 người.

Giai đoạn 2021-2023, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có rất nhiều dự án thuộc các ngành công nghiệp CBCT, công nghiệp nền tảng đã được triển khai, như: Tổ hợp nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô công suất tối đa 300.000 xe/năm và một số nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện (công nghệ phụ trợ cho sản xuất ô tô) tại Khu công nghiệp Việt Hưng; các dự án thuộc lĩnh vực dệt may, sợi tại Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà, Khu công nghiệp Việt Hưng, Khu công nghiệp Hải Yên; Chuỗi dự án sản xuất tấm quang năng Jinko Solar tại Khu công nghiệp Sông Khoai và Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà (giai đoạn 1); Các dự án sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử tại Khu công nghiệp Đông Mai... các dự án trong khu kinh tế, Khu công nghiệp đã đóng góp trên 2.892 tỷ đồng vào ngân sách, kim ngạch xuất - nhập khẩu đạt xấp xỉ 13,79 tỷ USD; thu hút 42 dự án mới và

điều chỉnh tăng vốn cho 13 lượt dự án công nghiệp CBCT, với tổng vốn đầu tư đã thu hút đạt 160.820 tỷ đồng (trong đó nguồn vốn FDI đạt 4,620 tỷ USD, tương đương trên 110.884 tỷ đồng). Hoạt động của ngành công nghiệp CBCT đang chủ yếu tập trung tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh, các dự án mới thu hút hầu hết đều tập trung tại các Khu công nghiệp. Đến hết năm 2023, trên địa bàn Tỉnh có 1.098 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp CBCT, với tổng vốn đăng ký đạt 230.000 tỷ đồng.

Trong đó, khu vực ngoài các KKT, Khu công nghiệp có 980 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký đạt trên 15.000 tỷ đồng (bình quân trên 15,3 tỷ đồng/doanh nghiệp), tạo việc làm cho hơn 75.800 người. Các ngành có đóng góp lớn là sản xuất thực phẩm; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim... Tại các khu kinh tế, khu công nghiệp có 122 dự án công nghiệp CBCT còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt xấp xỉ 215.000 tỷ đồng, trong đó 86 dự án có vốn FDI với tổng vốn đăng ký đạt 6,484 tỷ USD, 36 dự án có vốn đầu tư trong nước, tổng vốn đăng ký đầu tư trên 60.000 tỷ đồng. Doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp tuy có số lượng không nhiều, nhưng hầu hết đều là những doanh nghiệp đầu tư các dự án trung bình và lớn, có đóng góp đáng kể vào GRDP của Tỉnh.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, các mục tiêu thực hiện đều đạt và vượt mức đã đề ra. Cụ thể: Tỷ trọng ngành công nghiệp CBCT trong cơ cấu GRDP năm 2021 đạt 11,3% (tăng 1,5% so với năm 2020); năm 2022 đạt 11,5% (tăng 0,2% so với năm 2021); năm 2023 đạt 11,6% (tăng 0,1% so với năm 2022); số lao động ngành công nghiệp CBCT trên địa bàn Tỉnh tăng 23.886 người, bằng 80% với mục tiêu đã đề ra là tạo ra thêm 30.000 việc làm mới đến năm 2025; tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp CBCT đạt 19,68% và cao hơn so với mức bình quân đã đề ra theo Nghị quyết số 01/NQ-TU là 17%/năm; tổng vốn thu hút đầu tư đạt xấp xỉ 160.820 tỷ đồng, đạt 321% mục tiêu đã đề ra là 50.000 tỷ đồng đến năm 2025.

Tính đến cuối năm 2024, quy mô ngành công nghiệp CBCT của Tỉnh đạt trên 37.000 tỷ đồng, chiếm 12,43% trong GRDP, tốc độ tăng trưởng đạt 21,33%. Thu hút vốn đầu tư ngành công nghiệp CBCT đạt 2,04 tỷ USD. Tổng số lao động làm việc trong ngành công nghiệp CBCT năm 2024 tăng trên 5.500 lao động. Thực tế cho thấy, Quảng Ninh đã và đang là điểm đến của các nhà đầu tư tầm cỡ thế giới xây dựng và mở rộng hệ thống sản xuất, như: Tập đoàn Foxconn đầu tư nửa tỷ USD vào 2 dự án tại Quảng Ninh; Nhà máy ô tô Thành Công Việt Hưng dự kiến đưa vào khai thác trong năm 2025, công suất thiết kế trên 120.000 xe/năm; Tập đoàn Jinko Solar, là một trong những tên tuổi hàng đầu thế giới trong sản xuất tấm quang năng cũng đã đầu tư các dự án với tổng vốn 2,5 tỷ USD (Minh Đức, 2025).



Công nghiệp chế biến, chế tạo tại Quảng Ninh phát triển mạnh trong thời gian gần đây

Tuy nhiên, song song với những thuận lợi sẵn có, việc phát triển công nghiệp CBCT trên địa bàn Tỉnh hiện nay cũng gặp phải những tồn tại, hạn chế nhất định, như: Thu hút vốn đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp và vốn FDI chưa có nhiều đột phá; phát triển công nghiệp CBCT chuyên biến tích cực, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế; tỷ lệ các khu công nghiệp hoàn thành đồng bộ hạ tầng theo dự án được duyệt còn chưa cao; kết quả hoạt động sản xuất của một số doanh nghiệp công nghiệp CBCT không đạt theo kịch bản tăng trưởng...

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CBCT TỈNH QUẢNG NINH

Mục tiêu

Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định mục tiêu tổng quát phát triển của công nghiệp của Quảng Ninh là đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh sẽ trở thành một trung tâm công nghiệp hàng đầu cả nước với trọng tâm là các ngành tạo giá trị gia tăng cao với trình độ ứng dụng công nghệ tiên tiến. CBCT sẽ vượt sản xuất điện và khai khoáng để trở thành ngành dẫn đầu lĩnh vực công nghiệp, là một trụ cột chính của nền kinh tế. Theo đó, đến năm 2030, ngành sản xuất CBCT sẽ đóng góp 20% vào cơ cấu GRDP của Tỉnh, giá trị gia tăng danh nghĩa hàng năm đạt 188 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng thực tế giai đoạn 2020-2030 đạt 18%, số việc làm tăng thêm 2021-2030 đạt 80 nghìn...

Định hướng phát triển

Về không gian phát triển. Có 2 khu vực trọng điểm trong tỉnh Quảng Ninh sẽ dẫn dắt sự tăng trưởng của ngành CBCT. *Thứ nhất*, phía Tây Nam Quảng Ninh, cùng với Hải Phòng, sẽ hình thành một đại sinh thái công nghiệp, bao gồm trung tâm sản xuất thiết bị, linh kiện ô tô và thiết bị cho sản xuất điện gió và mặt trời. *Thứ hai*, phía Đông Bắc Quảng Ninh sẽ phát triển thành một trung tâm sản xuất công nghệ cao, ngành công nghiệp dệt may được hiện đại hóa với trọng tâm chuyển dịch từ dệt sang sản xuất trang phục. Ngoài ra, định hướng phát triển khu vực chế biến thủy sản tại những địa phương có tiềm lực về nguyên liệu thủy sản, như: Cô Tô, Hạ Long, Móng Cái, Hải Hà.

Về động lực phát triển. Quảng Ninh sẽ tập trung vào 3 động lực tăng trưởng chính cho ngành công nghiệp, cụ thể như dưới đây.

- Quảng Ninh cần tăng cường thu hút đầu tư bằng việc phát triển hơn nữa năm đòn bẩy quan trọng của ngành CBCT, bao gồm: sự kết nối kinh tế, nguồn nhân lực, khung pháp lý, ưu đãi tài chính và các dịch vụ hỗ trợ. Với nền tảng vững chắc sẵn có, trong giai đoạn 2020-2030 sắp tới, Quảng Ninh cần xây dựng những lợi thế cạnh tranh riêng dựa trên các đòn bẩy này để tạo ra môi trường chất lượng cao nhất phục vụ công nghiệp.

- Quảng Ninh cần củng cố hơn nữa các ngành CBCT chủ chốt hiện có, như: dệt, sản xuất trang phục và sản xuất, chế biến thực phẩm. Với ngành dệt, bằng việc thúc đẩy nhà đầu tư áp dụng những giải pháp công nghệ hiện đại, Quảng Ninh có thể trở thành tỉnh dẫn đầu trong việc ứng dụng công nghệ 4.0 vào ngành dệt. Bên cạnh đó, dựa trên các lợi thế sẵn có từ nguồn nguyên liệu do ngành xơ sợi cung cấp, hệ thống cảng biển phục vụ xuất khẩu, cơ sở

hạ tầng tốt và nguồn nhân lực dày dặn kinh nghiệm, Quảng Ninh có nền tảng vững chắc để mở rộng năng lực sản xuất vải vóc và sản xuất trang phục. Với ngành sản xuất, chế biến thực phẩm, sự tăng trưởng trong tương lai sẽ đến từ việc kết nối các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng, hoàn thiện các khâu từ con giống đến sản phẩm cuối cùng để tạo thêm giá trị gia tăng. Trọng tâm chính của ngành sẽ là các sản phẩm có giá trị và chất lượng cao như: tôm, cá vược và cá song.

- Quảng Ninh cần thử nghiệm mở rộng đầu tư vào 2 ngành mới có tốc độ tăng trưởng cao là sản xuất ô tô và thiết bị năng lượng tái tạo. Đối với ngành sản xuất ô tô, Quảng Ninh cần hợp tác với Hải Phòng để xây dựng hệ sinh thái ô tô mở rộng, với nền móng đầu tiên là các dự án hiện có của Vinfast và Thành Công. Quảng Ninh cũng có thể nghiên cứu thêm khả năng hình thành trung tâm sản xuất linh kiện ô tô tại Móng Cái, tận dụng tiềm năng nhập khẩu từ Trung Quốc, một trong những thị trường xuất khẩu linh kiện ô tô lớn nhất thế giới. Với ngành sản xuất thiết bị sản xuất điện gió và điện mặt trời, Quảng Ninh sẽ trở thành một trong những trung tâm sản xuất thiết bị sản xuất điện gió và điện mặt trời tại Việt Nam với việc tận dụng ba lợi thế: nhu cầu nội địa tăng nhanh cho năng lượng tái tạo, dự án đầu tư trọng điểm của Jinko Solar và lợi thế về vận tải đường biển.

Giải pháp phát triển

Để đạt được những mục tiêu, cũng như định hướng đã đề ra, Quảng Ninh cần tiếp tục củng cố các ngành CBCT lớn hiện tại và đầu tư phát triển 2 ngành chiến lược có tốc độ tăng trưởng cao. Theo nhóm tác giả, Quảng Ninh cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tập trung quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp để thúc đẩy công nghiệp CBCT. Cần tiến hành rà soát, đánh giá lại tình hình phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện tại; điều chỉnh và mở rộng không gian tại những khu vực phù hợp để ưu tiên xây dựng các mô hình khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị, khu công nghiệp sinh thái, và khu công nghiệp chuyên sâu. Đồng thời, tăng cường giám sát công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo tiến độ đầu tư và thi công hạ tầng các khu công nghiệp. Khai thác

tối đa lợi thế của các hành lang kinh tế, đô thị và giao thông trọng điểm phía Tây và phía Đông của Tỉnh để thu hút các dự án công nghiệp CBCT. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh kết nối kinh tế với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi phía Bắc nhằm huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả, đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Hai là, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp CBCT, đồng thời nâng cao quy mô và chất lượng dân số. Xây dựng chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, mở rộng các mô hình đào tạo, dạy nghề tiên tiến, đồng thời tạo lập chuỗi liên kết giữa lao động sau đào tạo và doanh nghiệp. Đặc biệt, cần quan tâm đào tạo chuyển đổi nghề và nâng cao kỹ năng cho lao động nông thôn, cũng như lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ba là, hoàn thiện khung pháp lý bằng cách cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm đảm bảo tính minh bạch, thống nhất và toàn diện, tạo nền tảng vững chắc cho môi trường kinh doanh. Đồng thời, đơn giản hóa quy trình đầu tư thông qua việc số hóa thủ tục hành chính, quy định rõ ràng và cam kết thời gian xử lý hồ sơ, từng bước tháo gỡ các rào cản không cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Bốn là, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư thông qua hợp tác với các nhà đầu tư lớn, cơ quan ngoại giao và các đơn vị tư vấn. Đồng thời, cung cấp các chính sách ưu đãi nhằm giảm chi phí đầu tư, như: ưu đãi giá dịch vụ tiện ích, phí thuê đất và phí dịch vụ khu công nghiệp. Tỉnh cũng cần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chương trình tín dụng ưu đãi và dịch vụ ngân hàng như tư vấn tài chính, tài trợ thương mại, ngoại hối và bảo lãnh. Ngoài ra, cần mở rộng dịch vụ hỗ trợ đa dạng để kịp thời giải quyết những khó khăn của nhà đầu tư.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất, đồng thời tăng cường liên kết vùng và hợp tác quốc tế để phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp CBCT. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2020), *Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 16/11/2020 về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp CBCT giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030*.
2. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh (2021-2023), *Niên giám Thống kê các năm, từ năm 2021 đến năm 2023*, Nxb Thống kê.
3. Minh Đức (2025), *Công nghiệp CBCT: Động lực tăng trưởng kinh tế*, truy cập từ <https://www.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=149752>.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/7/2018 về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11/02/2023 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.